

Bản án số: 106/2025/DS-ST

Ngày 12 - 8 - 2025

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng,
sử dụng thẻ tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - TP. ĐÀ NẴNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Văn Diện**

Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Đời** và bà **Vũ Thị Lệ Thủy**

Thư ký phiên tòa: Bà **Trương Ngọc Thảo Nguyên** - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Đà Nẵng.

Ngày 12 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Đà Nẵng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 59/2025/TLST-DS ngày 19.3.2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng, sử dụng thẻ tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2025/QĐXXST-DS ngày 11.7.2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2025/QĐST-DS ngày 25.7.2025, giữa:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP T**. Địa chỉ: 57 L, Phường T, Quận H (cũ), Thành phố Hà Nội. Người đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thúy Thanh. Chức vụ: Cán bộ bộ phận xử lý nợ khách hàng cá nhân Miền Trung - Trung tâm xử lý nợ khách hàng cá nhân - Khối Xử lý và Thu hồi nợ. Địa chỉ: 460 N, phường C, thành phố Đà Nẵng (Giấy ủy quyền số: 18/2024/UQ-TPB.HĐQT ngày 26.11.2024 và Giấy ủy quyền số: 35/2025/GUQ-TPB. DR ngày 06.01.2025), có mặt.

2. Bị đơn: Bà **Võ Thị L**, sinh năm 1986. Số CCCD: do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an cấp ngày 08.6.2022. Địa chỉ: P.307/4A, phường S, thành phố Đà Nẵng (phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng cũ), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07.01.2025 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là Ngân hàng TMCP T trình bày:

Ngày 02.8.2023, Ngân hàng TMCP T và bà Võ Thị L đã ký Hợp cho vay số: 03148270/2023/HĐTD/TTBMT/01 với số tiền vay 120.000.000 đồng; có mục đích tiêu dùng; thời hạn vay 60 tháng; lãi suất vay trong 03 tháng đầu là 18.4%/năm; lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo bằng lãi suất cơ sở Khách hàng cá nhân 03 tháng của TP tại thời điểm điều chỉnh công (+) biên độ 8.5%/năm; kỳ điều chỉnh 03 tháng 01 lần; trả gốc và lãi vào ngày 20 hàng tháng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Ngày 11.8.2023, bà Võ Thị L và Ngân hàng TMCP T ký tiếp Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, số thẻ: 466582xxxxxx1539; loại thẻ tín dụng quốc tế Visa hạng Chuẩn; có hạn mức 20.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng; lãi suất 35.4%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn và các loại phí theo Biểu phí Thẻ tín dụng quốc tế TP ban hành kèm theo.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Võ Thị L đã thanh toán cho Hợp đồng cho vay số: 03148270/2023/HĐTD/TTBMT/01 ngày 02.8.2023 được số tiền 31.893.897 đồng (gốc 18.423.171 đồng, lãi 13.560.726 đồng) và thanh toán cho Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 11.8.2023 được số tiền 30.968.143 đồng (gốc 22.566.387 đồng, lãi 8.401.756 đồng). Mặc dù đã nhiều lần yêu cầu nhưng bà Võ Thị L vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP T theo thỏa thuận tại hợp đồng.

Vì vậy, Ngân hàng TMCP T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Võ Thị L phải thanh toán số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 12.8.2025 tổng cộng là 179.859.110 đồng. Trong đó: Nợ theo hợp đồng cho vay là 126.488.774 đồng (gốc 101.576.829 đồng, tiền lãi trong hạn 18.979.551 đồng, tiền lãi quá hạn 5.932.394 đồng); nợ theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng là 53.370.336 đồng (gốc 16.935.884 đồng, phí thường niên 228.000 đồng, phí phạt chậm trả 15.106.548 đồng, lãi trong hạn 7.269.342 đồng, lãi quá hạn 13.770.562 đồng) và phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng cho vay đã ký kết, kể từ ngày 13.8.2025 cho đến khi thanh toán xong nợ. Đối với khoản nợ của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 11.8.2023, Ngân hàng TMCP T không yêu cầu tính phí, lãi phát sinh đối với bà Võ Thị L sau thời điểm ngày 12.8.2025.

Bà Võ Thị L đã được Tòa án thực hiện thủ tục thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không có ý kiến phản hồi về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP T và không đến Tòa án để giải quyết vụ việc.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn bà Võ Thị L đã được triệu tập để tham gia tố tụng nhưng vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng TMCP T khởi kiện yêu cầu bà Võ Thị L thanh toán nợ theo Hợp đồng tín dụng, sử dụng thẻ tín dụng. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Bà Võ Thị L có nơi cư trú tại P.307/4A, phường S, thành phố Đà Nẵng (Tổ 90, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng cũ). Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân Khu vực 2, thành phố Đà Nẵng thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà Võ Thị L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ các Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về việc xác lập hợp đồng: Các Hợp đồng cho vay số: 03148270/2023/HĐTD/TTBMT/01 ngày 02.8.2023 và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 11.8.2023 mà Ngân hàng TMCP T ký với bà Võ Thị L thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng dân sự theo quy định tại các Điều 117, 119 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và phù hợp với quy định của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên có hiệu lực pháp luật đối với các bên tham gia ký kết.

[2.2] Về yêu cầu thanh toán: Mặc dù bà Võ Thị L vắng mặt và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP T. Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng TMCP T cung cấp, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Đối với Hợp đồng cho vay số: 03148270/2023/HĐTD/TTBMT/01 ngày 02.8.2023: Hợp đồng này có mục đích vay tiêu dùng; số tiền vay 120.000.000 đồng; thời hạn vay 60 tháng; lãi suất vay linh hoạt: Lãi suất vay trong 03 tháng đầu là 18.4%/năm; lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo bằng lãi suất cơ sở Khách hàng cá nhân 03 tháng của TP tại thời điểm điều chỉnh công (+) biên độ 8.5%/năm; kỳ điều chỉnh 03 tháng 01 lần; trả gốc và lãi hàng tháng vào ngày 20 hàng tháng, bắt

đầu từ tháng 9 năm 2023; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Võ Thị Liên đã thanh toán được số tiền 31.893.897 đồng (gốc 18.423.171 đồng, lãi 13.560.726 đồng). Do bà Võ Thị L vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng TMCP T đã chuyển dư nợ sang nợ quá hạn là đúng với quy định tại khoản 3.7 Điều 3 của Điều kiện điều khoản chung về cho vay (kèm theo hợp đồng cho vay) mà các bên đã ký kết. Tính đến ngày 12.8.2025, bà Võ Thị L còn nợ Ngân hàng TMCP T số tiền theo hợp đồng này là 126.488.774 đồng (nợ gốc 101.576.829 đồng, tiền lãi trong hạn 18.979.551 đồng, tiền lãi quá hạn 5.932.394 đồng).

- Đối với Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 11.8.2023: Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng có số thẻ: 466582xxxxxx1539 (loại thẻ tín dụng quốc tế Visa hạng Chuẩn) mà bà Võ Thị L ký với Ngân hàng TMCP T có hạn mức 20.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng; lãi suất 35.4%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; phí theo Biểu phí Thẻ tín dụng quốc tế TP ban hành kèm theo; thời hạn thanh toán, số tiền thanh toán được thực hiện theo thông báo của Ngân hàng TMCP T. Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, bà Võ Thị L chỉ thanh toán được số tiền tính đến ngày 25.4.2024 là 30.968.143 đồng (gốc 22.566.387 đồng, lãi 8.401.756 đồng). Căn cứ vào khoản 1 Điều 6 Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế TPBank thì bà Võ Thị L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng TMCP T đã chuyển dư nợ sang nợ quá hạn là đúng với quy định tại khoản 3 Điều 6 của bản Điều kiện và điều khoản nói trên. Tính đến ngày 12.8.2025, bà Võ Thị L còn nợ Ngân hàng TMCP T số tiền theo hợp đồng này là 53.370.336 đồng (nợ gốc 16.935.884 đồng, phí thường niên 228.000 đồng, phí phạt chậm trả 15.106.548 đồng, lãi trong hạn 7.269.342 đồng, lãi quá hạn 13.770.562 đồng).

Tổng số tiền bà Võ Thị Liên còn nợ Ngân hàng TMCP T theo các hợp đồng nói trên là 179.859.110 đồng. Do bà Võ Thị L vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng TMCP T khởi kiện yêu cầu bà Võ Thị L phải thanh toán nợ là phù hợp với quy định tại Điều 103 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024 và Điều 280, 463 và 466 của Bộ luật Dân sự 2015 cần được chấp nhận. Vì vậy, buộc bà Võ Thị L phải trả cho Ngân hàng TMCP T số tiền như đã nêu trên và phải tiếp tục trả tiền lãi, kể từ ngày 13.8.2025 cho đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số: 03148270/2023/HĐTD/TTBMT/01 ngày 02.8.2023. Ngân hàng TMCP T không yêu cầu bà Võ Thị Liên phải trả tiền lãi, phí phát sinh sau thời điểm xét xử đối với khoản nợ của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 11.8.2023 nên không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu của Ngân hàng TMCP T được chấp nhận

nên bà Võ Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.992.955 đồng (179.859.110 đồng x 5%). Hoàn trả lại Ngân hàng TMCP T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 266, 269 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào Điều 100, 103 và 209 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024;
- Căn cứ vào Điều 280, 463 và 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP T đối với bà Võ Thị L.

Xử:

1. Buộc bà Võ Thị L phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP T số tiền tính đến ngày 12.8.2025 là 179.859.110 đồng, trong đó:

- Nợ theo Hợp đồng cho vay số: 03148270/2023/HĐTD/TTBMT/01 ngày 02.8.2023 là 126.488.774 đồng (nợ gốc 101.576.829 đồng, tiền lãi trong hạn 18.979.551 đồng, tiền lãi quá hạn 5.932.394 đồng). Kể từ ngày 13.8.2025, bà Võ Thị Liên còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại hợp đồng này. Trường hợp trong hợp đồng cho vay, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Bên cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Bên cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Bên cho vay.

- Nợ theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 11.8.2023 là 53.370.336 đồng.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm bà Võ Thị L phải chịu là 8.992.955 đồng. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.620.289 đồng theo Biên lai thu số 0007843 ngày 18.3.2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND Khu vực 2 - Đà Nẵng;
- THA dân sự thành phố Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Văn Diện